

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 962/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 677/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Minh T**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 19 tháng 11 năm 2019, bản tự khai ngày 14 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Trần Minh T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/4/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến tháng 8/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ

chồng thường xuyên cãi vã. Hai bên sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 26/02/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2020, bị đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu H bắt đầu chung sống vào năm 2013, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Hai bên sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 26/02/2017. Hiện nay, con chung đang ở với bà H, Khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Minh T, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Minh T cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 đăng ký ngày 12/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Trần Minh T đều xác nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã; ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà H yêu cầu ly hôn với ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H.

[5] Theo công văn số 3169/UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân, có nội dung như sau:

“Trong quá trình chung giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chưa phát hiện bạo lực gia đình...”

[6] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[7] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[8] Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà H và ông T có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về con chung: Theo xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T thì ông bà có 01 (một) con chung là trẻ Trần Minh H, sinh ngày 26/02/2017. Hiện nay, trẻ Huy đang sống cùng bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Huy và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; ông T cũng đồng ý giao trẻ Huy cho bà H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

[10] Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn như sau:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”

[11] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao trẻ Huy cho bà H sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của bà H và ông T và phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[12] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T đều xác nhận không có Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 52, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73 đăng ký ngày 12/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T có 01 (một) con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 26/02/2017.

Giao trẻ Trần Minh H cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Minh T.

Ông Trần Minh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079614 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- UBND xã Vĩnh Lộc B, H.Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền

